

KẾT QUẢ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN BTKT CAO HỌC

Ngành: KHOA HỌC DỮ LIỆU K33 - K34

Mã môn học: _____ Khóa: **Tháng 8/2024**
Tên môn học: **CƠ SỞ TOÁN CHO KHOA HỌC DỮ LIỆU** Số tiết: **90**
Ngày thi: **18g00** ngày **13/02/2025** Phòng thi: **C33**
Giảng viên phụ trách môn học: **PGS.TS. ĐINH NGỌC THANH, TS. NGUYỄN ĐĂNG MINH**
Cán bộ coi thi: Trần, Thảo, Huy

(*) Điểm giữa kỳ và cuối kỳ chấm trên thang điểm 10

STT	MÃ SỐ HV	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên dự thi	Kết quả thi		
								Giữa kỳ (50%)	Cuối kỳ (50%)	Điểm TB
1.	23C01030	Hoàng Hữu	Hân	09/02/2001	Quảng Ngãi	2	<u>Lưu</u>	8.5	9.0	8.75
2.	23C01033	Ngô Hoàng	Nam	28/10/1995	TP.HCM	2	<u>Ngô</u>	10	10	10
3.	23C01034	Nguyễn Thiên	Ngân	09/12/1998	Đắk Lắk	2	<u>Nh</u>	10	9.0	9.5
4.	23C01040	Trương Minh	Tân	22/11/1999	Vĩnh Long	2	<u>Tan</u>	10	9.0	9.5
5.	23C01047	Phạm Tuấn	Dương	07/06/1998	Hà Nội	2	<u>Phạm</u>	10	9.0	9.5
6.	056093011678	Mai Xuân	An	24/10/1993	Khánh Hòa	2	<u>A</u>	10	9.0	9.5
7.	072301002312	Trần Nguyễn Văn	Anh	18/02/2001	Tây Ninh	2	<u>Anh</u>	9.0	7.0	8.0
8.	036301006910	Phạm Ngọc	Anh	23/11/2001	Nam Định	1	<u>Phạm</u>	9.0	9.0	9.0
9	072197004093	Trần Hải	Anh	07/08/1997	Tây Ninh					
10.	075099004444	Nguyễn Trần Ngọc	Anh	21/06/1999	Đồng Nai	02	<u>Anh</u>	10	8.0	9.0
11.	096097005669	Đinh Phan Đức	Anh	03/01/1997	Cà Mau	02	<u>Đinh</u>	10	6.0	8.0
12	075301007980	Lê Trần Quỳnh	Châu	11/11/2001	Đồng Nai					
13.	079098007999	Tạ Đình	Duy	30/08/1998	TP.HCM					
14.	074097001862	Nguyễn Thành	Duy	28/06/1997	Bình Dương	01	<u>Nguyễn</u>	10	8.0	9.0
15.	067198006505	Phạm Thị Lương	Duyên	02/02/1998	Đắk Lắk	02	<u>Phạm</u>	9.0	8.0	8.5
16	077195001795	Phạm Thiên	Hà	20/08/1995	BR - VT					
17	056080002733	Mai Thanh	Hải	27/09/1980	Khánh Hòa					
18.	066197014633	Đào Thị Thanh	Huyền	10/01/1997	Đắk Lắk	01	<u>Đào</u>	8.0	9.0	8.5
19	031199005306	Nguyễn Thanh	Huyền	01/08/1999	Hải Phòng					
20.	049095000783	Lê Thanh	Kha	01/10/1995	Quảng Nam	2	<u>Lê</u>	10	9.5	9.8
21.	036099014163	Lại Minh	Khoa	17/02/1999	Nam Định	02	<u>Lại</u>	8.0	6.0	7.0
22.	001198030923	Tổng Khánh	Linh	09/06/1998	Hà Nội	01	<u>Linh</u>	7.0	6.0	6.5

STT	MÃ SỐ HV	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên dự thi	Kết quả thi		
							Giữa kỳ (50%)	Cuối kỳ (50%)	Điểm TB
23	001302019609	Nguyễn Thị Thảo Ly	22/09/2002	Đồng Nai					
24	079090000259	Mu Ham Mach A Mine	05/09/1990	TP.HCM	2	<i>Am</i>	10	8.0	9.0
25	079099009354	Nguyễn Lê Bảo Minh	09/05/1999	TP.HCM					
26	001092049248	Nguyễn Minh Nhật	24/11/1992	Hà Nội					
27	079200032475	Nguyễn Minh Quân	03/12/2000	TP.HCM					
28	064191011664	Trần Thị Xuân Quỳnh	02/12/1991	Gia Lai	01	<i>nhuu</i>	10	9.0	9.5
29	066197000329	Vũ Vi Thảo	19/08/1997	Đắk Lắk	01	<i>th</i>	8.0	7.5	7.8
30	079193000501	Huỳnh Mỹ Trân	23/03/1993	TP.HCM					
31	066200004039	Võ Quang Trường	01/05/2000	Đắk Lắk					
32	031302010708	Lưu Ngọc Phương Uyên	01/06/2002	TP.HCM	1	<i>phuy</i>	9.0	5.0	7.0
33	066195025404	Huỳnh Thanh Vân	10/10/1995	Đắk Lắk	2	<i>th</i>	9.0	5.0	7.0
34	079094037389	Ngô Quang Vinh	18/10/1994	TP HCM	1	<i>th</i>	10	8.0	9.0

Tp. HCM, ngày 15 tháng 05 năm 2025

Cán bộ chấm thi

Nguyễn B. Minh